TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN TPĐ** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/DSST
Ngày: 18/8/2022
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN TPĐ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi
Các Hội thẩm nH dân:
1. Ông Trần Minh Lực
2. Ông Thạch Tân Dân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lưu Duy Mạnh - Thư ký Toà án nH dân huyện TPĐ;

- Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện TPĐ, tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nH dân huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2022/TLST-DS, ngày 29/4/2022, về việc tranh chấp: "*Hợp đồng góp hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST- DS, ngày 02 tháng 8 năm 2022; giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị H, sinh năm: 1960.
Địa chỉ: Ấp TQ, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1963
Địa chỉ: Ấp TQ, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:
Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971
Địa chỉ: Khu phố LH, thị trấn VL, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang.

(Bà H, bà T và bà H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trương Thị H trình bày :***

Tôi làm đầu thảo hụi. Bà T tham gia góp dây hụi mở ngày 22/8/2018 (âm lịch). Dây hụi có 30 phần, 2.000.000đ/phần/tháng, đến tháng 02/2021 thì mãn hụi. Bà T góp 01 phần và hốt hụi tại kỳ thứ 6 với số tiền 42.400.000 đồng. Bà T còn phải góp

lại 24 kỳ hụi chết. Sau khi hốt hụi, bà T có góp cho tôi được 07 kỳ hụi chết thì ngưng nên còn nợ lại 17 kỳ với số tiền là 34.000.000 đồng. Việc góp hụi không làm giấy tờ gì nên tôi không có chứng cứ chứng minh bà T còn nợ 34.000.000 đồng. Hôm nay bà T thừa nhận còn nợ tôi 09 kỳ hụi chết nên tôi yêu cầu bà T trả cho tôi 09 kỳ hụi theo số tiền thực tế mỗi kỳ, mỗi phần hụi viên đã góp là 1.350.000 đồng (tiền lãi 650.000 đồng/kỳ/phần). Tổng cộng 09 kỳ còn nợ thành tiền là 12.150.000 (*mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn*) đồng. Tôi yêu cầu bà T trả 12.150.000 đồng, làm 3 lần, mỗi lần trả 4.050.000 đồng đồng, mỗi lần cách nhau 02 tháng, thực hiện lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Tôi có góp 01 phần hụi với bà H nhưng tôi góp dùm bà Nguyễn Thị H (em ruột tôi). Dây hụi tôi góp mở ngày 22/8/2018 (âm lịch), tôi đã hốt hụi được 42.400.000 đồng như bà H trình bày. Sau khi hốt hụi, tôi đưa tiền cho bà H đầy đủ. Hàng tháng, bà H có đưa tiền cho tôi góp hụi. Tôi trực tiếp góp hụi chết cho bà H nhưng cụ thể được bao nhiêu tiền, tôi không nhớ. Tôi thống nhất theo bà H là còn nợ lại 09 kỳ hụi chết. Do tôi là người góp hụi dùm bà H nên tôi không đồng ý trả tiền cho bà H.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Tôi có nhờ bà T góp 01 phần hụi mở ngày ngày 22/8/2018 (âm lịch) do bà H làm đầu thảo. Bà T là người thỏa thuận việc góp hụi với bà H. Bà T cũng là người nhận tiền hụi do bà H giao và bà T đưa tiền lại cho tôi 42.400.000 đồng. Sau khi hốt hụi, hàng tháng tôi có đưa tiền cho bà T để góp cho bà H. Theo tôi tự ghi sổ theo dõi thì tôi còn nợ bà H 09 kỳ hụi chết nhưng do số tiền tôi đã góp thực tế cho bà H, tương đương số tiền tôi hốt hụi nên nay không trả tiếp 09 kỳ hụi như bà H yêu cầu.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Họ, Hụi, Biêu, Phường. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà T trả cho bà H số tiền nợ hụi là 12.150.000 đồng, trả làm 3 lần, mỗi lần trả 4.050.000 đồng, mỗi lần cách nhau 02 tháng, thực hiện lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật

Bà Trương Thị H khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả tiền góp hụi nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân huyện TPĐ theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về phạm vi khởi kiện, thời hiệu khởi kiện

Bà Trương Thị H khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả tiền góp hụi còn nợ từ giao dịch góp hụi vào năm 2018 đến tháng 9/2019 (âm lịch). Ngày 29/4/2022, Tòa án thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 429 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

[3] Về nội dung vụ kiện

Tại phiên Tòa, bà H yêu cầu bà T trả số tiền góp hụi còn nợ là 12.150.000 đồng. Bà T không đồng ý trả tiền cho bà H vì cho rằng bà T góp hụi dùm bà H. Bà H thì cho rằng bà T là người thoả thuận, góp hụi và nhận tiền hốt hụi của bà H. Bà T có đưa lại tiền hốt hụi cho bà H. Hàng tháng, bà H có đưa tiền cho bà T góp hụi cho bà H. Do số tiền bà H đưa cho bà T góp hụi, tương đương số tiền bà T đưa bà H nên bà H không góp hụi tiếp. Xét thấy: Tại phiên tòa, bà H, bà T và bà H trình bày thống nhất việc bà T là người trực tiếp thỏa thuận việc góp hụi, trực tiếp góp hụi cho bà H và trực tiếp nhận tiền hốt hụi là 42.400.000 đồng, bà H giao. Do đó, có cơ sở xác định, bà T là người tham gia góp hụi với bà H nên bà T phải có nghĩa vụ trả tiền góp hụi còn nợ cho bà H.

Đối với lời khai nại của bà T và bà H là bà T góp hụi dùm cho bà H; bà T có đưa lại 42.400.000 đồng cho bà H và hàng tháng, bà H đưa tiền cho bà T góp hụi cho bà H,.. đây là giao dịch giữa bà T và bà H, không phải là giao dịch góp hụi giữa bà H với bà T.

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu bà bà T trả 09 kỳ tiền hụi chết còn nợ theo số tiền thực tế hụi viên phải góp mỗi kỳ/phần là 1.375.000 đồng (tính theo hụi có lãi), với tổng số tiền là 12.150.000 đồng. Xét thấy: Tại phiên tòa, các đương sự trình bày thống việc thỏa thuận góp hụi không có làm giấy tờ gì. Tuy nhiên, các đương sự thống nhất việc bà T còn nợ bà H 09 kỳ hụi chết. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên ghi nhận. Bà H yêu cầu bà T trả tiền nợ của 09 kỳ hụi chết, tính theo hụi không lãi là 1.350.000 đồng/kỳ/phần. Đây là sự tự nguyện của bà H nên ghi nhận. Do đó, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 09 kỳ hụi còn nợ là 12.150.000 đồng.

Xét về thời gian trả: Bà H yêu cầu bà T trả 12.150.000 đồng làm 3 lần, mỗi lần cách nhau 02 tháng, mỗi lần trả 4.050.000 đồng, trả lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật. Bà T không đồng ý trả tiền như bà H yêu cầu. Xét thấy: Dây hụi bà T tham gia

góp đã mãn từ đầu năm 2021. Đến nay, bà T chưa đóng đủ tiền hụi chết cho bà H là làm thiệt thòi cho quyền lợi của bà H. Nay bà H cho trả làm 3 lần là đã thông cảm với hoàn cảnh kinh tế của bà T. Do đó, buộc bà T trả cho bà H 12.150.000 đồng làm 3 lần theo thời gian như bà H yêu cầu.

[4] Về ý kiến của Kiểm sát viên

Xét thấy ý kiến pH tích và đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về án phí

Yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà H không nộp án phí. Bà T có nghĩa vụ trả tiền nên phải nộp án phí theo quy định pháp luật. Bà H không nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 5, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Họ, Hụi, Biêu, Phường.
- Nghi quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường ụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.
- Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả bà Trương Thị H số tiền nợ hụi là 12.150.000 (*mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn*) đồng, làm 3 lần, mỗi lần cách nhau 02 tháng, mỗi lần trả 4.050.000 đồng, trả lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật.
- Về án án phí:

+ Bà Trương Thị H, bà Nguyễn Thị H không nộp án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị T nộp 607.500 (*sáu trăm lẽ bảy nghìn năm trăm*) đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Nguyễn Thị T không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. TPĐ;
- THA DS H. TPĐ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI